

VAI TRÒ CỦA VIỆT NAM TRONG CẤU TRÚC KHU VỰC ẤN ĐỘ DƯƠNG – THÁI BÌNH DƯƠNG

THE ROLE OF VIETNAM IN THE STRUCTURE OF THE INDO - PACIFIC

*Trần Hùng Minh Phương**

1. Đặt vấn đề

Ngày nay, trật tự thế giới toàn cầu tại các khu vực đang dần được thay đổi, nhất là tại khu vực Đông Nam Á nói riêng và khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương nói chung – khu vực hiện nay đang được thể hiện bởi một Trung Quốc đang trỗi dậy. Sự trỗi dậy của quốc gia này đã có tác động làm gia tăng vấn đề an toàn an ninh đối với từng quốc gia ASEAN nói riêng và tổ chức ASEAN nói chung, các quốc gia lo lắng hoặc không tin tưởng (hoặc cả hai) về một thế giới do Trung Quốc thống trị.

Từ mối đe dọa mới tại khu vực Đông Nam Á, các quốc gia ASEAN đã bắt đầu có những thay đổi rõ rệt, từ việc tuân thủ hoặc hoàn toàn không quan tâm đến việc duy trì cấu trúc toàn cầu cũng như cấu trúc khu vực sau Chiến tranh lạnh sang xây dựng một trạng thái cấu trúc hoàn toàn khác trước đây. Sự thay đổi cấu trúc này là đương nhiên trong các trạng thái quy phạm được đưa ra bởi các nhà lãnh đạo quốc gia về luật pháp quốc tế cho sự an toàn của đường biển hay đường sắt xuyên quốc gia và đã dẫn đến một nhóm quốc gia có sức mạnh quyền lực cứng và mềm tác động mạnh như Mỹ, Nhật Bản, Ấn Độ, Australia. Bốn quốc gia này, trải rộng trên khắp toàn cầu với các nguồn sức mạnh khác nhau về các lĩnh vực chính trị, kinh tế, quân sự và giờ đây tạo thành hạt nhân cho chiến lược “Free and Open Indo-Pacific - FOIP” (“Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do – rộng mở”) mà Thủ tướng Nhật Bản Shinzo Abe đã đề cử.

An ninh ở các khu vực đang thay đổi nhanh chóng, nhất là ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Khu vực này không chỉ là nơi nền kinh tế phát triển nhanh nhất thế giới, mà còn là nơi gia tăng nhanh các chi phí quân sự và khả năng phát triển xây dựng lực lượng hải quân, về cạnh tranh gay gắt nguồn tài nguyên thiên nhiên và là điểm nóng chiến lược nguy hiểm nhất. Người ta thậm chí có thể nói rằng khu vực này đang giữ chìa khóa an ninh bảo mật toàn cầu. Việc sử dụng ngày càng tăng thuật ngữ “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương” - đề cập đến tất cả các nước giáp với các đại dương Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương - chứ không phải là “Châu Á - Thái Bình Dương”, nhấn mạnh tầm quan trọng tuyến đường hàng hải ngày nay. Đại dương châu Á ngày càng trở thành một đấu trường cạnh tranh về tài nguyên, quân sự và sự tác động ảnh hưởng của các cường quốc đối với các quốc gia trong khu vực.

Không có gì ngạc nhiên khi nhà nghiên cứu Lemke và Tammen nhận định rằng “ngày nay chỉ có Trung Quốc là một thách thức tiềm năng đối với Mỹ” (Lemke, D và Tammen, R

* Thạc sĩ, Đại học KHXH&NV, ĐHQG -HCM.

2001, tr.7). Nhận thức này cũng đã được phản ánh xác thực trong *Quadrennial Defense Review* do Lầu Năm Góc tiến hành vào năm 2006, trong đó xác định Trung Quốc chính là đối thủ cạnh tranh với Mỹ:

Trong số các cường quốc mới nổi và Trung Quốc, Trung Quốc có tiềm năng lớn nhất để cạnh tranh quân sự với Mỹ và các công nghệ quân sự đột phá có thể vượt qua thời gian để bù đắp lợi thế quân sự truyền thống của Mỹ. (US 2006, Quadrennial defense review, Washington: Department of Defense, tr.29)

Chiến lược của Mỹ nhằm xây dựng sức mạnh quân sự của riêng mình (người giữ thăng bằng nội bộ) và tìm kiếm đồng minh và đối tác (người giữ thăng bằng bên ngoài) trên khắp khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương.

Tuy nhiên, Trung Quốc không phải là cường quốc gia tăng đáng kể và duy nhất ảnh hưởng tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương và trên thế giới, bên cạnh đó còn phải kể đến Ấn Độ, một quốc gia tương tự theo đuổi sự trỗi dậy theo hướng kinh tế trong hệ thống quốc tế hiện nay. Đối mặt với hai cường quốc đang trỗi dậy Trung Quốc và Ấn Độ, Ngoại trưởng Mỹ Rex Tillerson khi đó đã đưa ra một nhận định, đánh giá về sự khác biệt quan trọng, đó là:

Trung Quốc, trong khi vươn lên cùng với Ấn Độ, đã làm rất ít trách nhiệm, đôi khi khai thác trật tự dựa trên luật lệ quốc tế [...] Điều đó có ý nghĩa hoàn hảo rằng Mỹ - tại thời điểm này - nên tìm cách xây dựng dựa trên thế mạnh nền tảng của những năm hợp tác của chúng tôi với Ấn Độ. Đã đến lúc phải tăng gấp đôi đối tác dân chủ vẫn đang tăng - và tăng có trách nhiệm - trong 100 năm tới [...] Đặc biệt Ấn Độ-Thái Bình Dương - cần Mỹ và Ấn Độ có quan hệ đối tác mạnh mẽ (Tillerson R., 2017).

2. Việt Nam trong cấu trúc khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương

2.1. Tiếp cận cấu trúc khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương

Khái niệm cấu trúc “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương” xuất hiện vào khoảng năm 2010 như là một khuôn khổ khu vực cho diễn ngôn chiến lược của Mỹ dưới thời chính quyền Tổng thống Mỹ B. Obama, và trở thành một thuật ngữ khu vực quan trọng cho bài diễn văn chính thức của Mỹ vào năm 2017 dưới thời Tổng thống Donald Trump. Có hai lý do cho sự thay đổi gần đây trong ngôn ngữ chiến lược, một là yếu tố kinh tế - địa lý và hai là yếu tố địa chính trị. Sự thay đổi kinh tế địa lý là do khối lượng thương mại chung, bao gồm các dòng thương mại đặc biệt quan trọng giữa hai đại dương Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương. Sự thay đổi địa chính trị là để làm cho sự trỗi dậy của Trung Quốc, và kể cả Ấn Độ trong khu vực. Trong khi đó, Mỹ đã là cường quốc hàng đầu ở Thái Bình Dương kể từ năm 1945 và tiếp tục là một cường quốc nổi bật ở Ấn Độ Dương kể từ những năm 1980. Bây giờ Mỹ, Nhật Bản và Úc đang phải đối mặt với sự quyết đoán của Trung Quốc ở Tây Thái Bình Dương; trong khi ở Ấn Độ Dương, Mỹ và một cường quốc đang trỗi dậy là Ấn Độ phải đối mặt với sự hiện diện ngày càng tăng của Trung Quốc. Không có gì đáng ngạc

nhien, trước thách thức này của Trung Quốc, Mỹ đã xây dựng một cấu trúc chiến lược, đó là cấu trúc Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương (David Scott, 2018, tr.19-43).

Trong chuyến viếng thăm gần đây ở châu Á, Tổng thống Mỹ Donald Trump đã giới thiệu cho thế giới cái nhìn đầu tiên về chiến lược địa chính trị của Mỹ. Cả hai cuộc họp tại Việt Nam, ở hội nghị thượng đỉnh hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương và tại cuộc họp trước đó với Thủ tướng Shinzo Abe tại Nhật Bản, ông đã nói về thuật ngữ “Ấn Độ Dương” thay vì “Châu Á-Thái Bình Dương”, thuật ngữ được sử dụng thường xuyên nhất (www.washingtonpost.com, 14/11/2017). Thuật ngữ mới làm thay đổi bản đồ tư duy đã chiếm ưu thế kể từ khi kết thúc Chiến tranh Lạnh và từ khi chính sách “cải cách và mở cửa” của Trung Quốc ra đời trong những năm 1980. Thuật ngữ “Châu Á-Thái Bình Dương” đã viện dẫn đến hình ảnh về một cộng đồng các mối quan tâm gắn kết với Mỹ với Đông Á. Thuật ngữ “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương”, như Tổng thống Donald Trump đã sử dụng, như ngụ ý nêu lên một cấu trúc mới trong đó hai quốc gia Ấn Độ và Mỹ, cùng với các quốc gia khác ở châu Á như Nhật Bản và Australia đặc biệt là sự tham gia ảnh hưởng ngày càng gia tăng của Trung Quốc trong khu vực.

Trong một bài diễn văn vào ngày 18 tháng 10 năm 2017, Ngoại trưởng Mỹ Rex Tillerson đã tuyên bố rõ ràng: “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương - bao gồm toàn bộ Ấn Độ Dương, Tây Thái Bình Dương và các quốc gia bao quanh họ, sẽ là địa bàn quan trọng trên thế giới trong thế kỷ 21”, và tuyên bố. “Mỹ và Ấn Độ ngày càng trở thành đối tác toàn cầu với sự hội tụ chiến lược ngày càng tăng. Người Ấn Độ và người Mỹ không chỉ chia sẻ mối quan hệ dân chủ. Chúng tôi chia sẻ một tầm nhìn về tương lai” (Gurpreet S. Khurana, 2017).

Đứng phía sau thuật ngữ “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương” là sự phát triển kinh tế và an ninh trong khu vực trải dài toàn bộ tuyến hàng hải châu Á, từ vùng duyên hải Đông Phi đến Đông Bắc Á. Thuật ngữ “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương” nhắc đến sự gia tăng phát triển của Ấn Độ vào đầu thế kỷ 21: sự tăng trưởng kinh tế ấn tượng của nó trong những năm 1990 và sau đó là chương trình vũ khí hạt nhân và sự hiện diện quân sự đang gia tăng ở Ấn Độ Dương. Trong cuộc đối thoại Shangri La năm 2009, cựu lãnh đạo hải quân Ấn Độ, Đô đốc Arun Prakash, nhấn mạnh sự mâu thuẫn về khái niệm trong thuật ngữ “Châu Á - Thái Bình Dương”: “Là người Ấn Độ, mỗi khi tôi nghe thuật ngữ châu Á - Thái Bình Dương, tôi cảm thấy thuật ngữ này có vẻ bao gồm Đông Bắc Á, Đông Nam Á và các đảo ở Thái Bình Dương, và nó chấm dứt ở eo biển Malacca. Nhưng còn có cả một thế giới phía tây eo biển Malacca” (www.washingtonpost.com, 14/11/2017).

Vào tháng 3 năm 2018, trước thềm Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN – Australia, Bộ trưởng Ngoại giao Australia Julie Bishop tuyên bố “ASEAN là trái tim của chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương”. Sự đề cập nhiều lần khái niệm “Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương” cùng với những động thái chủ động tiếp cận ASEAN và các nước ASEAN cho thấy Australia đang nỗ lực đẩy mạnh gia tăng cam kết của mình lên phía Bắc và nhằm biến tầm nhìn chiến lược này thành hiện thực. Trong một diễn biến khác cũng trong tháng 3/2018, Tổng thống Indonesia khơi dậy những tranh luận lớn khi cho rằng “sẽ là điều tốt nếu Australia gia nhập ASEAN” (Nguyễn Nhật Huy & Sơ Nguyên, 2018).

Cấu trúc “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương” đã giúp khắc phục khái niệm trước kia bằng cách kết hợp Ấn Độ vào các vấn đề của châu Á hàng hải, mặc dù “Ấn Độ” là viết tắt của Ấn Độ Dương, chứ không phải Ấn Độ. Đó là một sự khác biệt đáng kể bởi vì khu vực Ấn Độ Dương là một tuyến hàng hải quan trọng cho dầu và khí đốt, thúc đẩy sự thịnh vượng kinh tế của các quốc gia ven biển Thái Bình Dương về phía tây. Trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc dẫn đến sức mạnh quân sự, mối liên kết này thể hiện sự tôn trọng đến chiến lược của Bắc Kinh và là một cơ hội để ngăn chặn sự bá chủ của Trung Quốc.

Bốn cường quốc về kinh tế, quân sự đóng vai trò quan trọng nhất trong việc hình thành cấu trúc khu vực “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương” bao gồm Nhật Bản, Ấn Độ, Australia và Mỹ. Đó là nhóm “Đôi thoại an ninh bốn bên” (còn gọi là nhóm “Bộ tứ,” hay “Tứ giác kim cương”) được hình thành từ năm 2007 do sáng kiến của Thủ tướng Nhật Bản Shinzo Abe. Cấu trúc “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương” đã nhấn mạnh sự ưu việt về sức mạnh hải quân khu vực và đảm bảo rằng Ấn Độ (cùng với Indonesia, Nhật Bản và Mỹ) có khả năng đóng vai trò chính trị không chỉ ở trong khu vực Ấn Độ Dương (Dennis Rumley, Timothy Doyle & Sanjay Chaturvedi, 2012). Quan điểm của các nước này về “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương” mặc dù rất gần với nhau nhưng không hoàn toàn giống nhau. Mỹ cho rằng Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương là khu vực trải từ bờ Tây nước Mỹ tới bờ Tây Ấn Độ thì Nhật Bản lại có tham vọng hơn khi mở rộng tới tận bờ Đông của châu Phi. Bên cạnh đó, Ấn Độ có quan điểm tương tự Nhật Bản; còn cách định nghĩa về khu vực này của Australia về cơ bản giống Mỹ. Có một đặc điểm chung của các quốc gia là: Về quan điểm, định nghĩa về cấu trúc khu vực “Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương” là khác nhau, cả 4 quốc gia đều ủng hộ và nhấn mạnh vai trò trung tâm của Ấn Độ với một chiến lược mới. Ấn Độ là quốc gia có nhiều tiềm năng và trách nhiệm an ninh trong cấu trúc khu vực mới được định hình này (Nguyễn Nhật Huy & Sơ Nguyên, 2018).

Tuy Ấn Độ không phải là nước lớn nảy sinh những ảnh hưởng mang tính toàn cầu có tính quyết định đối với các quốc gia xung quanh như Trung Quốc, nhưng Ấn Độ là một trong những cường quốc đang phát triển có ý nghĩa tiêu biểu nhất ở châu Á. Từ sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, vai trò của Ấn Độ có ý nghĩa chính trị quan trọng. Ấn Độ cũng có thể tận dụng vị trí địa lý của mình để cản trở việc tiếp cận vịnh Bengal và Ấn Độ Dương của các quốc gia khác. Với sự hỗ trợ của Mỹ, Ấn Độ có thể biến đảo Andaman và Nicobar thành căn cứ quân sự để giám sát các hoạt động quân sự trong khu vực. Chính điều này sẽ khai thác lợi thế tự nhiên của Ấn Độ, cản trở khả năng mở rộng phạm vi của Trung Quốc và củng cố lợi ích của Ấn Độ trên toàn khu vực, và không yêu cầu Ấn Độ phải gánh vác các gánh nặng cho hoạt động phi thực tế ở các khu vực xa xôi.

Một trong những điều chỉnh chiến lược lớn của Ấn Độ là “Chính sách hướng Đông” (Look East policy) bắt đầu từ năm 1992 trong đó ASEAN là trung tâm để Ấn Độ vươn ra Thái Bình Dương. Trong lễ khai mạc Hội nghị thượng đỉnh ASEAN - Ấn Độ năm 2014, Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi đã từng nhấn mạnh ASEAN là “hạt nhân” trong chính sách “Hành động hướng Đông” (Act East policy) của Ấn Độ và là trung tâm “giác mo” về

một thế kỷ châu Á, với những đặc điểm là hợp tác và liên kết (www.narendramodi.in). Trong quá trình đó, từ đối tác đối thoại, ASEAN và Ấn Độ đã trở thành đối tác chiến lược. Hai bên đã nâng cấp quan hệ đối tác trên nhiều nền tảng thông qua 30 cơ chế. Với mỗi thành viên ASEAN, Ấn Độ có mối quan hệ ngoại giao, kinh tế và an ninh ngày càng phát triển. Hai bên đã chung tay hợp tác để bảo vệ vùng biển chung an toàn. Dòng thương mại và đầu tư lớn mạnh giữa hai bên ASEAN và Ấn Độ ngày càng gia tăng. ASEAN là đối tác thương mại lớn thứ tư của Ấn Độ, và Ấn Độ là đối tác thương mại lớn thứ bảy của ASEAN. Khoảng 20% vốn đầu tư nước ngoài của Ấn Độ đổ vào ASEAN (tuoitre.vn, 2018).

Mặc dù Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương là khu vực truyền thống được xem là các vùng nước riêng biệt, Ấn Độ và Mỹ ngày càng nhận định khu vực này như là một phần của một khu vực liên kết duy nhất. Chiến lược Hàng hải của Mỹ (2015), đánh dấu khu vực là “Ấn - Á - Thái Bình Dương”, trong khi Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi và Tổng thống Mỹ Donald Trump gọi trong tuyên bố chung gần đây của họ là “Ấn Độ Dương”. Ấn Độ và Mỹ có chung một cách nhìn trong việc nhận định tầm quan trọng trong cấu trúc khu vực “Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương”. Nó sẽ làm gia tăng khả năng các cường quốc này thúc đẩy các tiêu chuẩn và cấu trúc tự do như thị trường tự do, luật pháp và giải quyết tranh chấp có chủ ý không chỉ diễn ra trên đại dương mà còn vượt ra ngoài đại dương. Bên cạnh đó, chính do tính năng động về kinh tế và nhân khẩu học của khu vực cùng với tầm quan trọng của các tuyến đường biển “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương” đối với việc di chuyển các luồng thương mại và năng lượng toàn cầu.

Cả Ấn Độ và Mỹ đã công khai hợp tác chiến lược Ấn Độ - Mỹ trong khu vực (Lê Thị Hằng Nga, 2018, tr.186). Hiện nay, quan hệ giữa Ấn Độ và Mỹ là quan hệ đối tác chiến lược (từ năm 2010). Hợp tác hàng hải mạnh mẽ giữa hai nước chỉ bắt đầu sau trận sóng thần Ấn Độ Dương năm 2004, đó chính là minh chứng sức mạnh ngày càng tăng của Hải quân Ấn Độ. Tuy nhiên, Ấn Độ nói chung không phải là một đối tác chủ động, và trên thực tế thường từ chối các đề nghị hợp tác từ Mỹ. Trong một số trường hợp, Ấn Độ quan tâm đến sự nhạy cảm của Trung Quốc. New Delhi đã bác bỏ nhiều yêu cầu của Hải quân Mỹ về việc neo đậu tàu tại quần đảo Andaman một phần vì Trung Quốc “không hài lòng” về sự hiện diện của Mỹ tại Ấn Độ Dương. Còn về phía Mỹ, đã bác bỏ quan hệ đối tác xuyên Thái Bình Dương, từng được coi là nền tảng kinh tế của chiến lược châu Á của mình, và Mỹ bị phân tâm bởi sức mạnh của Liên bang Nga ở châu Âu và Trung Đông, và cuộc chiến tranh còn đang tiếp diễn ở Afghanistan.

Không còn nghi ngờ rằng một cơ chế an ninh tồn tại trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Tuy nhiên, xu hướng quân sự quanh khu vực không phải là sự phát triển của lực lượng vũ trang với mục đích xâm nhập và chiếm đóng các quốc gia láng giềng. Theo nghĩa này, những thách thức an ninh chung trong khu vực có thể được tóm tắt như sau: *Một*, là sự phát triển quân sự của Trung Quốc, bao gồm cả dự định và ý định của nó. Trung Quốc đã cố gắng tận dụng “cơ hội chiến lược” để “tăng cường hòa bình”. Nó nhấn mạnh các khía cạnh phi quân sự của quyền lực quốc gia toàn diện của nó, áp dụng cách tiếp cận ba hướng

đặt ra các lĩnh vực bất đồng với các nước láng giềng, tập trung vào sự tự tin - xây dựng các biện pháp để thúc đẩy quan hệ, và tham gia hội nhập kinh tế và hợp tác đa phương (C. Fred Bergstern, Bates Gill, Nicholas R. Lardy & Derek Mitchell, 2006, tr.120); *Hai*, từ quan điểm của Trung Quốc, quân đội Trung Quốc nói chung là kém phát triển và không được cung cấp. Do đó, hiện đại hóa quân sự của Trung Quốc liên quan đến cả việc chuyển đổi tư duy chiến lược và sự gia tăng các vấn đề về khả năng quân sự. Thay vào đó, nó sẽ giúp Trung Quốc thiết lập sức mạnh của mình trong khu vực như là một thứ quyền lực chi phối. Trung Quốc từng bước, từng bước một tiến tới chiếm vị thế khổng lồ ở Đông Nam Á (D.V.Mosiakov, 2016, tr.280); *Ba*, những giải thích của Trung Quốc không thuyết phục được các quốc gia trong khu vực. Thực tế, một số nước láng giềng của Trung Quốc đã thay đổi nhận thức khi nhìn Trung Quốc như một người bạn đầy quyền lực cạnh tranh với các mục tiêu, bao gồm cả kế hoạch có liên quan đến chủ quyền quốc gia của họ (Ernest Z. Bower, 2011). Một số quốc gia trong khu vực đã bắt đầu tìm kiếm sự hình thành một liên minh cân bằng để chống lại ảnh hưởng của Trung Quốc, và điều này, được giải thích bởi Thomas Christensen, chính là kết quả từ chính sách của Trung Quốc được thông qua vào cuối những năm 1990 (Thomas Christensen, 2011).

Trung Quốc đã thực hiện sáng kiến trong việc xây dựng một khu vực Ấn - Á - Thái Bình Dương rộng lớn hơn. Chiến lược của nó bao gồm nhiều mặt. Trung Quốc đã làm xói mòn tính tự trị chính trị của các nhóm quốc gia khu vực, sử dụng đòn bẩy kinh tế để tạo ra sự khác biệt giữa các thành viên ASEAN, phủ nhận không gian chiến lược cho Ấn Độ thông qua các dự án kinh tế như Hành lang kinh tế Trung Quốc - Pakistan và sử dụng Bắc Triều Tiên để hạn chế ảnh hưởng của Nhật Bản và Mỹ ở Đông Á. Ngoài ra, Trung Quốc đã sử dụng các tổ chức như Ngân hàng Đầu tư Hạ tầng Châu Á, các dự án xây dựng và tài chính liên quan đến *Sáng kiến vành đai và con đường* và các hiệp định thương mại như *Quan hệ đối tác kinh tế toàn diện khu vực* để tạo ra một mạng lưới hạ tầng và chiến lược phụ thuộc trên toàn khu vực. Mạng lưới này bao gồm các cảng ở Malaysia, Sri Lanka, Tanzania và Pakistan; các dự án dầu khí ngoài khơi Myanmar; và một căn cứ quân sự ở Djibouti (một quốc gia ở Đông châu Phi).

Chiến lược của Trung Quốc ngày càng đặt quốc gia này vào việc thực hiện và thực thi trong một vùng trải dài từ Đông Á đến Đông Phi. Chiến lược của Trung Quốc đã động chạm đến chiến lược mà Mỹ và Ấn Độ xây dựng bắt nguồn từ Ấn Độ Dương - Châu Á - Thái Bình Dương. Mỗi nguy hiểm từ Trung Quốc đã trở thành động lực thúc đẩy chiến lược hợp tác giữa Mỹ và Ấn Độ. Tuy nhiên, để quan hệ đối tác Mỹ - Ấn Độ đối đầu với Bắc Kinh một cách hiệu quả, hai nước phải có những hành động sáng tạo để hợp tác cùng nhau, đặc biệt trong lĩnh vực quốc phòng. Trung Quốc, trong vòng năm năm qua đã không ngừng đẩy biên giới của Trung Quốc vào vùng biển quốc tế, bằng cách xây dựng các hòn đảo nhân tạo ở Biển Đông. Quân sự hóa các tiền đồn này, xem như một kẻ lữ hành di chuyển đến phần còn lại của thế giới - bây giờ đã chuyển trọng tâm sang Ấn Độ Dương. Trung Quốc đã thành lập căn cứ quân sự hải ngoại đầu tiên ở Djibouti, gần đây có cảng chính từ một công ty đặt trụ sở tại Dubai, liên lạc trực tiếp đến Trung Quốc. Hơn nữa, Trung Quốc đang có kế

hoạch mở một căn cứ hải quân mới bên cạnh cảng Gwadar của Pakistan do Trung Quốc kiểm soát. Và Bắc Kinh đã cho thuê một số hòn đảo ở Maldives, nơi đó được thiết lập xây dựng một đài quan sát biển để cung cấp dữ liệu dưới mặt đất hỗ trợ việc triển khai các tàu ngầm tấn công hạt nhân và tàu khu trục tên lửa đạn đạo hạt nhân ở Ấn Độ Dương (Brahma Chellaney, 2018).

Tóm lại, Trung Quốc đã thay đổi cảnh quan chiến lược của khu vực chỉ trong những năm gần đây. Nếu các cường quốc khác không bước vào để đối phó với những thách thức hơn nữa đối với tình trạng lãnh thổ và hàng hải, thì năm năm tiếp theo có thể càng củng cố lợi thế chiến lược của Trung Quốc. Kết quả có thể là sự gia tăng của một trật tự cấp khu vực do Trung Quốc lãnh đạo, dựa trên các quy tắc mà hầu hết các nước trong khu vực đều phải chấp nhận. Với khả năng kinh tế của khu vực, điều này sẽ tạo ra những rủi ro đáng kể cho thị trường toàn cầu và an ninh quốc tế. Trung Quốc đã sử dụng lịch sử để biện minh cho những nỗ lực của mình nhằm thay đổi tình trạng lãnh thổ và hàng hải trên Biển Đông. Tất cả các tranh chấp của Trung Quốc với 11 quốc gia láng giềng đều dựa trên những tuyên bố lịch sử, chứ không dựa vào lẽ phải của luật pháp quốc tế.

Ấn Độ và Mỹ cần phải có một cách tiếp cận ngoại giao và phát triển cho khu vực đó là cung cấp các lựa chọn thay thế đáng tin cậy cho các dự án Trung Quốc; cả hai quốc gia không thể áp dụng các chiến lược khác nhau ở phía đông và phía tây của Ấn Độ Dương, hoặc cả hai phải thúc đẩy các dự án hấp dẫn về lý thuyết nhưng thiếu về tài chính và ngoại giao. Các thông báo gần đây về các dự án khu vực như Ấn Độ - Châu Á, và hành lang kinh tế Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương đã hồi sinh và sáng kiến New Silk Road, được các quốc gia trong khu vực đồng tình. Đó là điều cần thiết để đảm bảo rằng các dự án này tiếp tục nhận được sự hỗ trợ đầy đủ từ các quốc gia, và tạo ra sự phối hợp giữa các quốc gia trong khu vực nhằm góp phần vào sự phát triển khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương.

Ngoài ra, Ấn Độ phải thay đổi các mối quan hệ chính trị trong khu vực với các nước như Nepal, Sri Lanka, Maldives và các thành viên ASEAN để dự báo ảnh hưởng của nó vào Ấn Độ Dương. Ấn Độ đã ký Hiệp định khung hợp tác kinh tế toàn diện với ASEAN tại Hội nghị Thượng đỉnh Bali năm 2003, trong đó có kế hoạch thiết lập một khu vực Tự do hoá thương mại giữa Ấn Độ và ASEAN trong vòng 10 năm (Tôn Sinh Thành, 2017, tr.143). Ấn Độ đã cung cấp cho các nước láng giềng các dự án cơ sở hạ tầng bền vững và các ưu đãi kinh tế mạnh mẽ, và các giải pháp thay thế. Những nỗ lực này sẽ có nhiều khả năng thành công hơn nếu Mỹ, Nhật Bản hỗ trợ họ về mặt ngoại giao và thông qua hợp tác đầu tư trong các dự án kinh tế. Không có biện pháp nào để thực hiện; họ sẽ phải đối mặt với những hạn chế về tài nguyên, sự đối lập chính trị và cạnh tranh chiến lược. Việc góp phần xây dựng khu vực pháp lý, kinh tế và quân sự của khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương là rất lớn. Nếu không có chính sách táo bạo từ Mỹ và Ấn Độ, câu trả lời sẽ là Trung Quốc (Samir Saran & S. Paul Kapur, 2018). Đối với những quốc gia mới bắt đầu hình thành cấu trúc quan hệ như Nhật Bản, Australia, Ấn Độ và Mỹ cần nhanh chóng trong việc thể chế hóa “Đối thoại an ninh tứ giác” để họ có thể phối hợp tốt hơn các chính sách và mở ra cơ hội hợp tác rộng hơn với các đối tác quan trọng khác như Việt Nam, Indonesia và Hàn Quốc.

2.2. Việt Nam trong cấu trúc khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương

Việt Nam với vị trí địa lý nằm ở điểm đầu của Vành đai trên biển, trung tâm tam giác giữa ba quốc gia Nhật Bản, Ấn Độ và Australia cũng như nằm ở tâm trong cấu trúc khu vực “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương”. Vì vậy, Việt Nam trong quan hệ song phương, quan hệ với các cường quốc trong khu vực như Ấn Độ, Nhật Bản, Australia, Hàn Quốc thì vị thế địa – chính trị của Việt Nam sẽ được nâng tầm lên. Vậy làm thế nào Việt Nam duy trì tốt mối quan hệ với Trung Quốc, và mở rộng mối quan hệ song phương với Mỹ, quan hệ đối tác với Ấn Độ chính là một thách thức thời đại quan trọng đối với Việt Nam (Andrew Chubb & Carlyle Thayer, 2018). Nền kinh tế Việt Nam ổn định, không ngừng phát triển (dự báo tăng 6.6% trong năm 2019, GDP trong quý 1/2019 tăng 6.8%) (Theo vietnamnews.vn, 2019). Phát triển và cải cách nền kinh tế nhằm tối đa hóa lợi ích cho người dân cũng là một thách thức và đòi hỏi liên tục đối với Việt Nam trong cấu trúc khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương.

Chính quyền Mỹ Donald Trump khôi phục niềm tin cho các quốc gia Đông Nam Á trong đó có Việt Nam, niềm tin vào Mỹ như một tác nhân bên ngoài không thể thiếu trong khu vực. Mỹ cần phải chứng minh rằng các chính sách cứng rắn không chỉ được thiết kế để dành cho Mỹ mà cũng có thể mang lại lợi ích cho Đông Nam Á, một trong những khu vực phát triển nhanh nhất thế giới về kinh tế và đây là khu vực có giá trị chiến lược quân sự, kinh tế quan trọng. Ở đó, Tổng thống Trump đánh giá Việt Nam là quốc gia Đông Nam Á tích cực nhất bảo vệ lợi ích của mình ở Biển Đông. Việt Nam về cơ bản đã đưa vào chính sách quốc gia các khía cạnh hiệu lực Chiến lược “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở”. Bằng cách áp dụng các biện pháp chiến lược và kinh tế khu vực khó khăn hơn với Việt Nam (Joshua Kurlantzick, 2018), chính quyền Donald Trump có thể chứng minh với Đông Nam Á rằng cách tiếp cận khó khăn nằm trong lợi ích của họ. Chính điều này thuyết phục Mỹ để nắm lấy khu vực “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở” (Free and Open Indo-Pacific Strategy).

Xét bề ngoài, chiến lược FOIP của Mỹ theo định nghĩa của Alex N. Wong phần lớn tương thích với lợi ích quốc gia của Việt Nam. Là một bên tham gia tranh chấp ở Biển Đông và dễ bị tổn thương trước quyền lực ngày càng lớn và sự quyết đoán ngày càng tăng của Trung Quốc, Việt Nam sẽ được hưởng lợi từ một trật tự khu vực dựa trên quy tắc và không tồn tại sự ép buộc. Tương tự như vậy, tự do hàng hải và hàng không cũng là những gì Việt Nam tìm cách thúc đẩy như một lá cờ tập hợp lực lượng để huy động sự ủng hộ của quốc tế đối với cuộc đấu tranh của mình chống lại Trung Quốc ở Biển Đông (Le Hong Hiep, 2018, p.4).

Mối quan hệ quốc phòng giữa Mỹ - Việt Nam ngày càng thân thiết hơn từ thời của chính quyền Mỹ Obama. Mặc dù hai bên vẫn còn những trở ngại nhất định, quan hệ an ninh giữa Mỹ và Việt Nam đã được nâng cấp. Hai nước hiện có cuộc đối thoại thường niên về quốc phòng, và các tàu của Mỹ cũng thường xuyên ghé cảng Cam Ranh, một trong những cảng chiến lược quan trọng nhất ở Đông Nam Á. Năm 2013, chính quyền Obama đã ký kết

quan hệ hợp tác với Việt Nam. Quan hệ này đã giải quyết một loạt các vấn đề tồn tại giữa hai bên trong nhiều năm qua (obamawhitehouse.archives.gov, 2013)

Việt Nam có được vị thế quan trọng và hết sức đặc thù trong quan hệ cả với Mỹ và Trung Quốc khiến các nước trong khu vực coi trọng vai trò và vị thế của Việt Nam. Trong quan hệ đa phương, cạnh tranh Mỹ - Trung tại khu vực Biển Đông nói riêng và Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương nói chung khiến Việt Nam cũng như các quốc gia ASEAN chịu sức ép và tác động không nhỏ từ hai cường quốc này. Trong vòng xoáy cạnh tranh chiến lược không ngừng thay đổi của hai cường quốc này tại khu vực, Việt Nam không thể đứng ngoài và cả Mỹ lẫn Trung Quốc đều không muốn Việt Nam đứng bên ngoài sự cạnh tranh chiến lược của mình. Bên cạnh đó, việc thực thi chủ quyền và lợi ích quốc gia của Việt Nam trên Biển Đông chính là một trong những nguyên nhân và tâm điểm dẫn đến xung đột, cạnh tranh lợi ích giữa Mỹ và Trung Quốc. Vì vậy, hơn bao giờ hết Việt Nam nhận thức đúng vị trí quốc gia trong quan hệ Mỹ - Trung ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, nhằm mục đích đảm bảo lợi ích quốc gia, lợi ích dân tộc trong bối cảnh nếu Mỹ và Trung Quốc có thể có những thoả hiệp chính trị và thay đổi chiến lược tại khu vực này. Việt Nam đã xác định đúng vị trí của quốc gia trong bàn cờ chính trị khu vực và thế giới (Phạm Bình Minh, 2011, tr.54). Hiện nay, Việt Nam luôn tiếp tục củng cố và phát triển trong quan hệ cả với Trung Quốc và Mỹ, tận dụng vai trò trong quan hệ đối tác đối với hai cường quốc này, nhưng luôn đề phòng để tránh bị lôi kéo vào cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Vào tháng 11 năm 2015, khi Tổng Bí thư, Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình sang thăm Việt Nam thì chiến lược “Sáng kiến Vành đai - Con đường” (BRI) mới nhắc đến Việt Nam tham gia vào BRI (Phạm Sỹ Thành, 2019, tr.271). Tuy nhiên, việc Việt Nam đối với BRI chủ yếu chỉ dựa vào sự cân nhắc về chiến lược, an ninh nhiều hơn nhu cầu về kinh tế (Phạm Sỹ Thành, 2019, tr.273). Bên cạnh đó, chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông vẫn luôn là vấn đề tranh chấp nhiều thập kỷ qua giữa Việt Nam và Trung Quốc, tác động không nhỏ đến BRI. Việt Nam luôn khẳng định chủ quyền của quốc gia trên Biển Đông, đồng thời đã thúc đẩy hợp tác về biển với các quốc gia ASEAN với mục tiêu xây dựng cấu trúc khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương hòa bình, ổn định và phát triển. Cùng với sự ủng hộ của ASEAN, đồng thời Việt Nam tiếp tục tranh thủ tiếng nói của Mỹ trên các diễn đàn đa phương quốc tế nhằm giải quyết nhanh chóng, mềm dẻo, linh động và có hiệu quả các tranh chấp trên Biển Đông dựa trên luật pháp quốc tế, nhất là Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982.

Việt Nam là quốc gia ở khu vực Đông Nam Á nhưng Việt Nam cũng là một quốc gia nằm trong cấu trúc “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương”. Từ năm 1998, nhận định được tầm quan trọng của khu vực này, Việt Nam đã tham gia vào APEC. Thực tiễn của Việt Nam tham dự APEC hơn 20 năm (1998 – 2018) đồng thời việc Việt Nam đã chủ trì nhiều lần Hội nghị APEC đã chứng minh rõ APEC có tác động quan trọng đến nền kinh tế Việt Nam và, ngược lại, Việt Nam cũng đóng góp không nhỏ vào sự phát triển của APEC và khu vực. Với cương vị chủ tịch APEC, Việt Nam đã đưa ra nhiều ý tưởng, sáng kiến và đề xuất được các thành viên ủng hộ. Hiện nay, Việt Nam đứng thứ 13 (theo Lowy Institute Asia-Power

Index) trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương (hanoitimes.vn, 2019). Theo chỉ số đánh giá này, thì Việt Nam được xếp hạng trong nhóm các cường quốc trung gian, có tổng điểm từ 18 trên 100, tăng 1,5 điểm so với năm ngoái nhờ cải thiện năng lực quân sự, ảnh hưởng ngoại giao, sức mạnh đa phương và chính sách đối ngoại.

Đối với các quốc gia thành viên ASEAN, Việt Nam đang nắm giữ vị trí địa-chính trị quan trọng trong khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Tuy nhiên, quan điểm của các nước trong khu vực Đông Nam Á rất đa dạng, không nhất quán. Trong khi Việt Nam, Singapore, Indonesia và Thái Lan ngày càng thể hiện rõ sự ủng hộ chiến lược mới của cấu trúc khu vực “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương” thì những nước nằm trong tầm ảnh hưởng lớn của Trung Quốc như Philippines, Malaysia, Campuchia lại giữ im lặng một cách khó hiểu. Việt Nam với vai trò chủ động tích cực của mình, sẽ phối hợp với hành động có trách nhiệm của các nước lớn, trong việc phát huy tính độc lập tự chủ kết hợp với hợp tác trên cơ sở tuân thủ luật pháp quốc tế... Bên cạnh đó, Việt Nam không thể đứng ngoài “Sáng kiến Vành đai – Con đường” của Trung Quốc và “Sáng kiến Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương” của Mỹ, xây dựng các bước đi quan trọng trong mối quan hệ quốc tế cả với Mỹ và Trung Quốc. Thông qua các hoạt động tích cực trong ASEAN, Việt Nam không chỉ thắt chặt quan hệ với các thành viên ASEAN, đóng góp cho ASEAN trong nhiều lĩnh vực hợp tác khu vực mà còn bình thường hoá, hội nhập và mở rộng quan hệ với các cường quốc trong khu vực và thế giới qua vai trò chủ tịch ASEAN (2010), trong tổ chức các hội nghị cấp cao ASEAN, nâng cao ảnh hưởng và uy tín Việt Nam nói riêng và ASEAN nói chung trong khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Việt Nam đã là thành viên WTO (2006), Ủy viên không thường trực HĐBA Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2008-2009, Chủ tịch HĐBA vào tháng 7 năm 2008, tháng 10 năm 2009 và tiếp tục là Ủy viên không thường trực HĐBA Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2020-2021.

Việt Nam là quốc gia ở khu vực “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương” tổ chức thành công Hội nghị APEC, và gần đây là APEC 2017, đồng thời các chuyến công du của các nguyên thủ quốc gia đến thăm, hội nghị, hoà đàm cùng nhau tại Việt Nam đã tạo ra một thế đối ngoại quan trọng của Việt Nam trong khu vực và trên trường quốc tế. Việt Nam đón tiếp trọng thị các nguyên thủ quốc gia như Donald Trump, Tập Cận Bình, Kim Jong Un và các nguyên thủ khác, cũng như việc Mỹ, Bắc Triều Tiên đã chọn Việt Nam làm nơi hội đàm vào cuối tháng 2 năm 2019 vừa qua đã chứng minh chiến lược của họ ở khu vực đồng thời nêu bật được vị thế địa chính trị chiến lược quan trọng của Việt Nam đối với các cường quốc. Sau APEC 2017 tổ chức tại Việt Nam, vào tháng 7 năm 2018, Mỹ đã cam kết tham gia kinh tế thương mại sâu hơn vào cấu trúc khu vực “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương”. (whitehouse.gov, 2018). Tự do thương mại chính là trung tâm kết nối của khu vực “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương” (Robert A. Manning, 2018).

Theo báo cáo Chiến lược an ninh quốc gia của Mỹ gần đây nhất, “một cuộc cạnh tranh địa chính trị giữa các thể chế tự do và kìm hãm trật tự thế giới đang diễn ra ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương”. Trong khi đó các quốc gia trong khu vực đều đồng ý rằng

hiện nay sức mạnh bá chủ của Trung Quốc trong khu vực rất đáng kể, họ thúc đẩy sự hợp tác lên một bước khá xa. Không còn thời gian để lưỡng lự và đứng ngoài cuộc trong hợp tác và hành động. Các quốc gia trong khu vực “Ấn Độ - Thái Bình Dương” phải có các hành động mạnh mẽ hơn để tăng cường sự ổn định của khu vực, cam kết của họ đối với các quy định chung, chưa kể đến luật pháp quốc tế và tạo ra các thể chế mạnh mẽ hơn.

Để giảm thiểu các mối đe dọa, các nước của khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương trong đó có Việt Nam, phải đối mặt với ba thách thức chính, bắt đầu với khoảng cách mở rộng giữa chính trị và kinh tế. Thiếu sự hội nhập về chính trị và sự thiếu vắng của khuôn khổ an ninh chung ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, các thỏa thuận thương mại tự do đang tăng nhanh, mới nhất là *Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương* của 11 nước (*Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership - CPTPP*, tên gọi khác: TPP11 là một Hiệp định về nguyên tắc thương mại giữa Australia, Brunei, Canada, Chile, Nhật Bản, Malaysia, Mexico, New Zealand, Peru, Singapore và Việt Nam). Trong khi đó, Trung Quốc nổi lên như là đối tác thương mại hàng đầu của hầu hết các nền kinh tế khu vực. Nhưng sự bùng nổ thương mại không thể giảm thiểu sự rủi ro chính trị. Điều đó đòi hỏi một khuôn khổ các quy tắc và tiêu chuẩn pháp lý quốc tế cần chia sẻ và thực hiện bởi các quốc gia trong khu vực. Đặc biệt, tất cả các nước nên đồng ý nêu rõ hoặc tuyên bố chủ quyền lãnh thổ hoặc hàng hải trên cơ sở luật pháp quốc tế và giải quyết mọi tranh chấp bằng các phương tiện hòa bình - không bao giờ bị ép buộc hoặc ép buộc quốc gia khác. Việc tranh chấp về lãnh thổ, khu vực thềm lục địa, tài nguyên thiên nhiên... đều phải được giải quyết trên nền tảng hoà bình, nhất là khu vực Biển Đông – nơi xác lập chủ quyền quốc gia của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Chính điều này đưa đến thách thức chính thứ ba với khu vực “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương” trong đó có Việt Nam: thay đổi phát triển hàng hải. Trong bối cảnh dòng chảy thương mại hàng hải phát triển, các cường quốc khu vực đang cố gắng để tiếp cận, tranh giành ảnh hưởng và lợi thế tương đối. Ở đây, mối đe dọa lớn nhất nằm trong nỗ lực đơn phương của Trung Quốc nhằm thay đổi hiện trạng khu vực. Những gì Trung Quốc đạt được ở Biển Đông có ý nghĩa chiến lược xa hơn và dài hơn đáng kể so với việc sáp nhập Crimea của Liên bang Nga, vì nó gửi một thông điệp rằng chủ nghĩa đơn phương của Trung Quốc thách thức pháp luật quốc tế.

Vì thế, hiện nay Việt Nam đã và đang tập trung những nỗ lực quan hệ với Australia, Ấn Độ, Liên bang Nga, Hàn Quốc và Nhật Bản, cùng một số đối tác ngoài Mỹ trong cấu trúc khu vực Ấn Độ - Thái Bình Dương. Các quốc gia này đang tiến hành các hoạt động trong khái niệm “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở”. Việt Nam chú trọng hơn các quan hệ dựa vào biển và hàng không, vận dụng lợi thế quan hệ với các quốc gia này trong quan hệ giữa Việt Nam với Mỹ và Trung Quốc. Với Australia, Việt Nam đã ký kết hợp tác chiến lược mới vào tháng 3 năm 2018. Việt Nam và Ấn Độ đã tạo ra một quan hệ đối tác chiến lược toàn diện, trong đó hai bên đòi hỏi sự hợp tác chặt chẽ hơn về an ninh

hàng hải và thăm dò dầu khí trên Biển Đông. Ấn Độ đang hỗ trợ Việt Nam trong việc đào tạo phi công chiến đấu và cung cấp tên lửa đất đối không cho Việt Nam, các cuộc tập trận hải quân chung giữa hai quốc gia cũng thường xuyên hơn trong những năm gần đây (D. Peri, 2016; S. Miglani, 2017; (P. Parameswaran, 2018). Việt Nam cũng đã mở rộng quan hệ liên kết chiến lược với Nhật Bản trong năm 2018. Việc mở rộng quan hệ có thể thấy qua việc các đội tàu Nhật Bản thường xuyên tới Việt Nam, hỗ trợ an ninh hàng hải và hợp tác công nghiệp quốc phòng của Nhật Bản đối với Việt Nam ngày càng gia tăng.

3. Kết luận

Cấu trúc “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương” là cấu trúc cần thiết để quản lý sự phát triển khu vực và đưa các quốc gia trong khu vực vào các khuôn khổ pháp lý được thiết lập trong một chiến lược phát triển ở thế kỷ XXI. Ngoài ra, cấu trúc khu vực “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương”, một trong những khu vực năng động, là khung khái niệm hữu ích nhất để giải quyết các vấn đề giữa các cường quốc lớn. Mục đích của cấu trúc này là xây dựng sự thịnh vượng chung cho các nước tham gia. Nếu không, khu vực này sẽ trở thành nơi để các cường quốc thể hiện sức mạnh quân sự và quyền lực bá chủ của mình. Cấu trúc khu vực “Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương” được xây dựng và phác họa rõ ràng, nhưng chưa khẳng định được quốc gia nào nắm việc phân bổ nguồn lực kinh tế, chính trị, quân sự vào khu vực một cách cụ thể. Hiện nay, cấu trúc khu vực này mới chỉ nêu lên các giá trị và một số giải pháp về quân sự, nhưng nội hàm về phát triển kinh tế khu vực thì chưa có gì đáng kể.

Tương lai của cấu trúc này diễn ra chưa rõ ràng. “Sáng kiến Vành đai và Con đường” của Trung Quốc và “Chính sách hướng Đông” của Ấn Độ có thể đóng góp đáng kể cho sự hội nhập kinh tế của khu vực Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương. Đồng thời, sự thịnh vượng kinh tế lớn hơn trong khu vực có thể được phát triển thông qua lĩnh vực hàng hải. Các tuyến đường hàng hải cho đến nay, phần lớn là từ phía tây Ấn Độ Dương đến vịnh Ba Tư và kênh Mozambique, có thể hoạt động tích cực, hữu hiệu hơn. Việc định hình và mở rộng cấu trúc “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương” phải đi kèm với chính sách bổ sung cho khu vực Đông Nam Á và đòi hỏi các quốc gia khác trong khu vực, chứ không chỉ là “bộ tứ giác an ninh” Mỹ - Nhật - Ấn - Australia, cùng phải hợp tác và hành động một cách hiệu quả trong xây dựng cấu trúc “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương”.

Về mặt kinh tế và chiến lược, trung tâm sức mạnh toàn cầu của thế giới đang chuyển dần sang Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Nếu các quốc gia trong khu vực không hành động ngay từ bây giờ để củng cố một trật tự mở, dựa trên quy tắc, tình hình an ninh sẽ tiếp tục xấu đi, với những hậu quả ảnh hưởng đến toàn thế giới. Trong cấu trúc khu vực “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương” với những biến động, thuận lợi, khó khăn và thách thức đan xen nhau, “không có bạn bè vĩnh viễn hay kẻ thù vĩnh viễn, chỉ có lợi ích quốc gia là vĩnh viễn” như nhận định của Huân tước Palmerston, Ngoại trưởng Anh ở thế kỷ XIX; lợi ích quốc gia chính là sự tự bảo vệ, độc lập, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quân sự và kinh tế phát triển (Jack C. Plano and Roy Olton, 1988, tr.10). Việt Nam đã luôn xử lý khéo léo, mềm mỏng nhưng cương quyết, linh hoạt đường lối ngoại giao, nhất là trong quan hệ quốc tế với

các nước lớn, những nước có lợi ích khác biệt hoàn toàn, bảo vệ vững chắc chủ quyền, độc lập dân tộc như Văn kiện Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ XII (2016) đã đề ra: “*Bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi, thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa dạng hóa, đa phương hóa trong quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế... nâng cao vị thế, uy tín của đất nước và góp phần vào sự nghiệp hoà bình, độc lập, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới*” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016, tr.34-35)/.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Andrew Chubb & Carlyle Thayer, “Vietnam in the Indo-Pacific: Challenges and opportunities in a new regional landscape”, <<https://perthusasia.edu.au/getattachment/80b611bb-a703-459a-bcb7-93cd56a8c179/PU-64-Viet-Booklet-WEB.pdf.aspx?lang=en-AU>>. Truy cập 20/5/2019.
2. Brahma Chellaney (12/5/2018). “A new order for the Indo-Pacific region”, <<https://www.japantimes.co.jp/opinion/2018/03/12/commentary/world-commentary/new-order-indo-pacific-region/#.Ww41Z1OFPVo>>. Truy cập 26/5/2019.
3. Báo Tuổi trẻ (2018). “ASEAN - Ấn Độ: chia sẻ giá trị, cùng chung vận mệnh”. <<https://tuoitre.vn/asean-an-do-chia-se-gia-tri-cung-chung-van-menh-20180126115636068.htm>, ngày 26/1/2018>. Truy cập 23/5/2019.
4. C. Fred Bergstern, Bates Gill, Nicholas R. Lardy, and Derek Mitchell. 2006. *China: The Balance Sheet. What the World Needs to Know about the Emerging Superpower*, New York: Public Affairs.
5. David Scott. “The Indo-Pacific in US Strategy: Responding to Power Shifts”. *Rising Powers Quarterly*. Volume 3, Issue 2, 2018, p.19-43.
6. Dennis Rumley, Timothy Doyle & Sanjay Chaturvedi (2012). “Securing’ the Indian Ocean? Competing Regional Security Constructions”. <https://www.adelaide.edu.au/indo-pacific-governance/research/policy/Timothy_Doyle.pdf>. Truy cập 23/5/2019.
7. Dinaker Peri. “India to Train Vietnam’s Sukhoi Fighter Pilots”. Hindu, December 6, 2016.<<http://thehindu.com/news/national/India-to-trainVietnam%E2%80%99s-Sukhoi-fighter-pilots/article16765719.ece>>. Truy cập 25/5/2019.
8. D.V.Mosiakov (2016). *Chính sách của Trung Quốc ở Đông Nam Á từ quá khứ đến hiện đại*. Hà Nội: Chính trị Quốc gia - Sự Thật.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. Hà Nội: Chính trị Quốc gia.
10. Ernest Z. Bower. “*Hu Jintao's Visit and the South China Sea: Whose/ Hu's Core Interests?*” (January 11, 2011), retrieved on January 13, 2011, from the Center for Strategic and International Studies website <www.csis.org/publication/hu-jintao-s-visit-and-the-south-china-sea-whose-core-interests>. Truy cập 15/5/2019.

11. Gurpreet S. Khurana. “*Trump’s new Cold War alliance in Asia is dangerous*”, <www.washingtonpost.com/news/worldpost/wp/2017/11/14/trump-asia-trip/?noredirect=on&utm_term=.8c5eedadb277>. Truy cập ngày 25/5/2019.
12. Jack C. Plano and Roy Olton (ed.1988). *The International Relations Dictionary*, ABC-Clio. Santa Barbara, California and Oxford. England.
13. Joshua Kurlantzick (11/2018). “Making US-Vietnam Ties a Model for a Free and Open Indo-Pacific”. <https://cfrd8-files.cfr.org/sites/default/files/report_pdf/Discussion_Paper_Kurlantzick_Vietnam.pdf>. Truy cập 20/5/2019.
14. hanoitimes.vn. “Vietnam – middle power in Asia-Pacific”. <<http://www.hanoitimes.vn/news/2019/05/81e0d77e/vietnam-middle-power-in-asia-pacific/>>. Truy cập 31/5/2019.
15. Lemke, D and Tammen. R 2001. *Power transitions: strategies for the 21st century*. Washington: CQ Press.
16. Le Hong Hiep (7/8/2018). “America’s Free and Open Indo-Pacific Strategy: A Vietnamese Perspective”. ISSUE: 2018 No. 43, ISEAS, Singapore. <https://www.iseas.edu.sg/images/pdf/ISEAS_Perspective_2018_43@50.pdf>. Truy cập ngày 22/5/2019.
17. Lê Thị Hằng Nga (2018). *Quan hệ Ấn Độ - Hoa Kỳ (1947-1991)*. Hà Nội: Chính trị Quốc gia.
18. Nguyễn Nhật Huy & Sơ Nguyên (7/4/2018). “Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương: Kỳ nguyên mới của cạnh tranh địa chiến lược”. <<http://nghiencuuquocte.org/2018/04/07/an-do-duong-thai-binh-duong/>>. Truy cập 16/5/2019.
19. “President Donald Trump’s Administration is Advancing a Free and Open Indo-Pacific”. 30 July 2018. <<https://www.whitehouse.gov/briefings-statements/president-donald-j-trumps-administration-advancing-free-open-indo-pacific/>>. Truy cập 23/5/2019.
20. Prashanth Parameswaran. “India-Vietnam Defense Ties in Spotlight With Naval Exercise,” *Diplomat*, May 22, 2018. <http://thediplomat.com/2018/05/india-vietnam-defense-ties-in-the-spotlight-with-naval-exercise>. Truy cập 25/5/2019.
21. Phạm Sỹ Thành (2019). *Sáng kiến Vành đai – Con đường (BRI): Lựa chọn nào của Đông Nam Á*. Hà Nội: Thế Giới.
22. Phạm Bình Minh (2011). *Định hướng chiến lược đối ngoại Việt Nam đến 2020*. Hà Nội: Chính trị Quốc gia - Sự Thật.
23. Robert A. Manning (2018). *U.S. Indo-Pacific Strategy – Be Careful What You Wish For*. <http://valdaiclub.com/a/valdai-papers/valdai-paper-89-us-indo-pacific-strategy/?sphrase_id=501924>. Truy cập 1/12/ 2018
24. Samir Saran & S. Paul Kapur (2018). “How India and the US can lead in the Indo-Pacific”, <<https://www.lowyinstitute.org/the-interpreter/how-india-and-us-can-lead-indo-pacific>>. Truy cập 28/5/2019.
25. Sanjeev Miglani, “India Says in Talks with Vietnam for First Missile Sale,” *Reuters*, February 15, 2017.<<http://in.reuters.com/article/airshow-india-vietnam-idINKBN15U0Y2>>. Truy cập 25/5/2019

26. Tôn Sinh Thành (2017). *Hợp tác khu vực châu Á: Nhân tố ASEAN và Ấn Độ*. Hà Nội: Chính trị Quốc gia.
27. Thomas Christensen. 2011. “The Advantages of an Assertive China: Responding to Beijing’s Abrasive Diplomacy”, *Foreign Affairs*, March/April.
28. Tillerson, R 2017. “Defining our relationship with India for the next century”. 18 October, retrieved 10 August 2018, <<https://www.state.gov/secretary/20172018tillerson/remarks/2017/10/274913.htm>>. Truy cập 28/5/2019
29. The Indo-Pacific Region: The Emerging Geopolitical and Security Environment, 25/1/2018, <<http://nghiencuuquocte.org/2018/04/07/an-do-duong-thai-binh-duong/>>. Truy cập 17/4/2018.
30. vietnamnews.vn. “HSBC forecasts VN economic slowdown in 2019”. (4/4/2019). <<http://vietnamnews.vn/economy/518318/hsbc-forferences-vn-ecusiness-slowdown-in-2019.html#TY0c6i2ExPG1LqAz.99>>. Truy cập 15/5/2019.
31. washingtonpost.com.<https://www.washingtonpost.com/news/theworldpost/wp/2017/11/14/trump-asia-trip/?noredirect=on&utm_term=.d2d5c06a3abc>. Truy cập 28/5/2019
32. White House Office of the Press Secretary. “Joint Statement by President Barack Obama of the United States of America and President Truong Tan Sang of the Socialist Republic of Vietnam,” July 25, 2013. <<http://obamawhitehouse.archives.gov/the-press-office/2013/07/25/jointstatement-president-barack-obama-united-states-america-and-preside>>. Truy cập 14/5/2019.